



Tiếng Trung Yixin

Ngành Công nghệ Thông tin - Trường Đại học Quốc gia Hà Nội

# 第六课练习

 LIVEWORKSHEETS



01

## 汉字归类

SẮP XẾP CÁC CHỮ HÁN CÓ CÙNG  
BỘ THỦ VÀO CHUNG 1 NHÓM

02

## 选字填空

CHỌN CÁC CHỮ HÁN ĐÃ CHO  
ĐIỀN VÀO CHỖ TRỐNG





Ở CẢ HAI BÀI TẬP,  
CÁC BẠN CHỈ CẦN  
KÉO VÀ THẢ CÁC  
CHỮ HÁN VÀO Ô NHÉ!



眼 国 很 聪 叫 睛 职 明  
时 晚 吃 得 睡 四 哪

彳

Bộ 彳 thường liên quan  
đến đi lại

耳

Bộ 耳 thường liên quan  
đến thính giác hoặc  
bộ phận thính giác

口

Bộ 口 thường liên quan  
đến miệng

匚

Bộ 匚 thường diễn tả  
bị vây hãm, bao vây

目

Bộ 目 thường liên quan  
đến đôi mắt

日

Bộ 日 thường liên quan  
đến thời gian, mặt trời



眼 国 很 聪 叫 睛 职 明  
时 晚 吃 得 睡 四 哪

1. 我  上七点  饭，十一点  觉。
2. 你是   人？
3. 我觉  他  可爱，也很   。
4. 我  高山， 十岁，我是  员。
5. 她的   很小。
6. 从这儿到医院多长  间？